

Số: /2020/TT-BQP

Hà Nội, ngày tháng năm 2020

DỰ THẢO

THÔNG TƯ

Quy định thời hạn người có chức vụ, quyền hạn trong Quân đội không được thành lập, giữ chức danh, chức vụ quản lý, điều hành doanh nghiệp thuộc lĩnh vực trước đây mình có trách nhiệm quản lý sau khi thôi giữ chức vụ; quy định danh mục và thời hạn định kỳ chuyển đổi vị trí công tác trong cơ quan, đơn vị thuộc Bộ Quốc phòng

Căn cứ Luật Phòng, chống tham nhũng ngày 20 tháng 11 năm 2018;

Căn cứ Nghị định số 164/2017/NĐ-CP ngày 30 tháng 12 năm 2017 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Quốc phòng;

Căn cứ Nghị định số 59/2019/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2019 của Chính phủ về quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Phòng, chống tham nhũng;

Theo đề nghị của Chánh Thanh tra Bộ Quốc phòng;

Bộ trưởng Bộ Quốc phòng ban hành Thông tư quy định thời hạn người có chức vụ, quyền hạn trong Quân đội không được thành lập, giữ chức danh, chức vụ quản lý, điều hành doanh nghiệp thuộc lĩnh vực trước đây mình có trách nhiệm quản lý sau khi thôi giữ chức vụ; quy định danh mục và thời hạn định kỳ chuyển đổi vị trí công tác trong cơ quan, đơn vị thuộc Bộ Quốc phòng.

Chương I
QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

1. Thông tư này quy định thời hạn người có chức vụ, quyền hạn trong Quân đội không được thành lập, giữ chức danh, chức vụ quản lý, điều hành doanh nghiệp tư nhân, công ty trách nhiệm hữu hạn, công ty cổ phần, công ty hợp danh, hợp tác xã thuộc lĩnh vực trước đây mình có trách nhiệm quản lý sau khi thôi giữ chức vụ theo quy định tại điểm b khoản 3 Điều 22 và điểm c khoản 1 Điều 23 Nghị định số 59/2019/NĐ-CP ngày 01/7/2019 của Chính phủ.

2. Quy định danh mục các nhóm ngành, ngành công tác và thời hạn định kỳ chuyển đổi vị trí công tác (chức danh) đối với sĩ quan, quân nhân chuyên nghiệp, công chức quốc phòng thuộc diện cán bộ quản lý (sau đây viết gọn là cán bộ) và quân nhân chuyên nghiệp, công nhân quốc phòng, viên chức quốc phòng, lao động hợp đồng không thuộc diện bố trí cán bộ (sau đây viết gọn là

nhân viên) trong Quân đội nhân dân Việt Nam theo Mục 4 Chương II Luật Phòng, chống tham nhũng và Chương V Nghị định số 59/2019/NĐ-CP ngày 01/7/2019 của Chính phủ.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Việc quy định thời hạn người có chức vụ, quyền hạn trong Quân đội không được thành lập, giữ chức danh, chức vụ quản lý, điều hành doanh nghiệp tư nhân, công ty trách nhiệm hữu hạn, công ty cổ phần, công ty hợp danh, hợp tác xã thuộc lĩnh vực trước đây mình có trách nhiệm quản lý sau khi thôi giữ chức vụ áp dụng đối với cán bộ, nhân viên ở cơ quan, tổ chức, đơn vị, nhà trường trong Quân đội, viện nghiên cứu, trung tâm, bệnh viện, doanh nghiệp Nhà nước nắm giữ 50% vốn điều lệ trở lên thuộc Bộ Quốc phòng (sau đây viết gọn là đơn vị).

2. Việc chuyển đổi vị trí công tác chỉ áp dụng đối với cán bộ, nhân viên không giữ chức vụ chỉ huy, quản lý ở các đơn vị thuộc Bộ Quốc phòng.

3. Việc chuyển đổi vị trí công tác của cán bộ nghiệp vụ các ngành Tòa án quân sự, Kiểm sát quân sự, Kiểm toán Bộ Quốc phòng thực hiện theo quy định của Chánh án Tòa án nhân dân tối cao, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tối cao và Tổng Kiểm toán nhà nước.

Điều 3. Giải thích từ ngữ

1. Người có chức vụ, quyền hạn: Là người do bổ nhiệm, do bầu cử, do tuyển dụng, do hợp đồng hoặc do một hình thức khác, có hưởng lương hoặc không hưởng lương, được giao thực hiện nhiệm vụ, công vụ nhất định và có quyền hạn nhất định trong khi thực hiện nhiệm vụ, công vụ đó bao gồm:

- a) Cán bộ, công chức, viên chức;
- b) Sĩ quan, quân nhân chuyên nghiệp, công nhân, viên chức quốc phòng trong cơ quan, đơn vị thuộc Quân đội nhân dân;
- c) Người đại diện phần vốn nhà nước tại doanh nghiệp;
- d) Người giữ chức danh, chức vụ quản lý trong doanh nghiệp, tổ chức;
- đ) Những người khác được giao thực hiện nhiệm vụ, công vụ và có quyền hạn trong khi thực hiện nhiệm vụ, công vụ đó.

2. Người quản lý doanh nghiệp: Là người quản lý công ty và người quản lý doanh nghiệp tư nhân, bao gồm chủ doanh nghiệp tư nhân, thành viên hợp danh, Chủ tịch Hội đồng thành viên, thành viên Hội đồng thành viên, Chủ tịch công ty, Chủ tịch Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc hoặc Tổng giám đốc và cá nhân giữ chức danh quản lý khác có thẩm quyền nhân danh công ty ký kết giao dịch của công ty theo quy định tại Điều lệ công ty.

3. Người thôi giữ chức vụ: Là người có chức vụ, quyền hạn về một trong các lĩnh vực quy định tại Điều 6 Thông tư này theo quy định của pháp luật, được cơ quan, tổ chức, đơn vị có thẩm quyền giải quyết chế độ thôi việc, kỷ luật bằng hình thức buộc thôi việc, nghỉ hưu hoặc chuyển ra khỏi cơ quan Nhà nước, đơn

vị sự nghiệp của Nhà nước.

Điều 4. Nguyên tắc thực hiện

1. Việc thực hiện quy định thời hạn đối với người có chức vụ, quyền hạn trong Quân đội không được thành lập, giữ chức danh, chức vụ quản lý, điều hành doanh nghiệp tư nhân, công ty trách nhiệm hữu hạn, công ty cổ phần, công ty hợp danh, hợp tác xã thuộc lĩnh vực trước đây mình có trách nhiệm quản lý sau khi thôi giữ chức vụ tuân thủ theo các quy định của Luật Phòng, chống tham nhũng, Luật Sĩ quan quân đội nhân dân Việt Nam, Luật Quân nhân chuyên nghiệp, công nhân và viên chức quốc phòng, Luật Cán bộ, công chức, Luật Viên chức, Luật Doanh nghiệp, Luật Hợp tác xã và các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan.

2. Việc chuyển đổi vị trí công tác phải đặt dưới sự lãnh đạo trực tiếp, toàn diện của các cấp ủy, tổ chức đảng; bảo đảm nguyên tắc tập trung dân chủ, phát huy vai trò, trách nhiệm của tập thể cấp ủy, chính ủy, chính trị viên (bí thư) và người chỉ huy các cấp.

3. Việc chuyển đổi vị trí công tác là quy định bắt buộc, thường xuyên áp dụng đối với tất cả cán bộ, nhân viên thuộc nhóm ngành, ngành công tác quy định tại Điều 8 của Thông tư này; phải được tiến hành theo kế hoạch, được công bố công khai trong nội bộ cơ quan, đơn vị và gắn với trách nhiệm của người chỉ huy đơn vị.

4. Quá trình thực hiện chuyển đổi vị trí công tác phải khách quan, công tâm, minh bạch, khoa học và phù hợp với nhóm ngành chuyên môn nghiệp vụ trong đơn vị; chống biểu hiện bè phái, chủ nghĩa cá nhân gây mất đoàn kết nội bộ.

5. Khi thực hiện chuyển đổi vị trí công tác không làm tăng, giảm biên chế của đơn vị.

6. Đối với cán bộ giữ chức vụ chỉ huy quản lý, việc chuyển đổi vị trí công tác thực hiện theo quy định về bổ nhiệm, bổ nhiệm lại trong Quy chế lãnh đạo công tác cán bộ và Quy định về luân chuyển và điều động thực tế cán bộ của Quân ủy Trung ương.

Điều 5. Những hành vi bị nghiêm cấm

1. Thực hiện việc định kỳ chuyển đổi vị trí công tác của cán bộ, nhân viên trái với nhóm ngành, ngành chuyên môn nghiệp vụ đang làm hoặc đang phụ trách.

2. Chuyển đổi chức danh công tác những cán bộ, nhân viên đảm nhiệm chức danh có cấp bậc quân hàm cao xuống chức danh có cấp bậc quân hàm thấp; cán bộ, nhân viên đảm nhiệm chức danh biên chế quy định tiêu chuẩn trình độ nghiệp vụ có trình độ cao xuống chức danh biên chế quy định tiêu chuẩn trình độ nghiệp vụ thấp và ngược lại, nhằm mục đích nâng loại (ngạch) hoặc hạ loại (ngạch) lương.

3. Lợi dụng các quy định về định kỳ chuyển đổi vị trí công tác vì mục đích vụ lợi hoặc để trừ dập cán bộ, nhân viên.

Chương II

QUY ĐỊNH LĨNH VỰC, THỜI HẠN NGƯỜI CÓ CHỨC VỤ, QUYỀN HẠN TRONG QUÂN ĐỘI KHÔNG ĐƯỢC THÀNH LẬP, GIỮ CHỨC DANH, CHỨC VỤ QUẢN LÝ, ĐIỀU HÀNH DOANH NGHIỆP TƯ NHÂN, CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN, CÔNG TY CỔ PHẦN, CÔNG TY HỢP DANH, HỢP TÁC XÃ THUỘC LĨNH VỰC TRƯỚC ĐÂY MÌNH CÓ TRÁCH NHIỆM QUẢN LÝ SAU KHI THÔI GIỮ CHỨC VỤ

Điều 6. Các lĩnh vực người có chức vụ, quyền hạn trong Quân đội không được thành lập, giữ chức danh, chức vụ quản lý, điều hành doanh nghiệp tư nhân, công ty trách nhiệm hữu hạn, công ty cổ phần, công ty hợp danh, hợp tác xã thuộc lĩnh vực trước đây mình có trách nhiệm quản lý sau khi thôi giữ chức vụ

1. Quản lý công tác kế hoạch và đầu tư, tài chính, kinh tế, hậu cần, kỹ thuật của các đơn vị trực thuộc Bộ Quốc phòng.
2. Quản lý ngân hàng trong Quân đội.
3. Quản lý công tác thanh tra quốc phòng của các cơ quan, đơn vị trực thuộc Bộ Quốc phòng và tương đương trở lên.
4. Cán bộ quản lý doanh nghiệp 100% vốn Nhà nước do Bộ Quốc phòng quản lý; người đại diện phần vốn của Nhà nước tại doanh nghiệp do Bộ Quốc phòng cử làm đại diện.
5. Quản lý nghiên cứu đề tài khoa học của các đơn vị trực thuộc Bộ Quốc phòng.

Điều 7. Thời hạn người có chức vụ, quyền hạn trong Quân đội không được thành lập, giữ chức danh, chức vụ quản lý, điều hành doanh nghiệp tư nhân, công ty trách nhiệm hữu hạn, công ty cổ phần, công ty hợp danh, hợp tác xã thuộc lĩnh vực trước đây mình có trách nhiệm quản lý sau khi thôi giữ chức vụ

Trong thời gian 12 tháng kể từ khi thôi giữ chức vụ, quyền hạn trong các đơn vị trực thuộc Bộ Quốc phòng, người có chức vụ, quyền hạn trong Quân đội được quy định tại Điều 6 của Thông tư này không được thành lập, giữ chức danh, chức vụ quản lý, điều hành doanh nghiệp tư nhân, công ty trách nhiệm hữu hạn, công ty cổ phần, công ty hợp danh, hợp tác xã thuộc lĩnh vực trước đây mình có trách nhiệm quản lý.

Chương III

QUY ĐỊNH DANH MỤC VÀ THỜI HẠN ĐỊNH KỲ CHUYỂN ĐỔI VỊ TRÍ CÔNG TÁC TRONG CƠ QUAN, ĐƠN VỊ THUỘC BỘ QUỐC PHÒNG

Điều 8. Danh mục các nhóm ngành, ngành định kỳ chuyển đổi

1. Đối với cán bộ thuộc nhóm ngành, ngành
 - a) Đối với cán bộ chỉ huy tham mưu gồm các ngành: Quân lực (quân số, chính sách, trang bị, tuyển sinh quân sự) từ cấp sư đoàn và tương đương trở lên; Quân huấn-Nhà trường (cấp phát các loại văn bằng, chứng chỉ; tuyển sinh, khảo

thí, quản lý vật chất) đối với các nhà trường trong Quân đội; hoạt động đối ngoại; phân bổ chỉ tiêu ngân sách các ngành chỉ huy tham mưu;

b) Đối với cán bộ chính trị gồm các ngành: Cán bộ (nhân sự, đào tạo, tuyển dụng), tuyên huấn (quản lý vật tư công tác đảng, công tác chính trị, thi đua khen thưởng), chính sách, bảo hiểm từ cấp sư đoàn và tương đương trở lên; phân bổ chỉ tiêu ngân sách các ngành công tác đảng, công tác chính trị;

c) Đối với cán bộ hậu cần, tài chính gồm các ngành: Hậu cần (thống kê, thanh quyết toán xăng, dầu, quân nhu, quân lương, đầu tư xây dựng cơ bản, quản lý doanh trại) từ cấp sư đoàn và tương đương trở lên; cấp giấy chứng nhận hành nghề khám bệnh, chữa bệnh; giám sát cung ứng các loại thuốc, dược liệu; phân bổ chỉ tiêu ngân sách ngành hậu cần. Tài chính (kế hoạch ngân sách, quản lý ngân sách thường xuyên, quản lý vốn đầu tư, quản lý tài chính doanh nghiệp, quản lý giá, quản lý tài sản công, kế toán tổng hợp, kế toán chi tiết, cấp phát thanh toán) từ cấp trung đoàn và tương đương trở lên; thanh toán bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế từ cấp sư đoàn và tương đương trở lên; kế toán, thủ quỹ theo dõi vốn, ngân sách tại các doanh nghiệp có sử dụng vốn của Nhà nước;

d) Đối với cán bộ kỹ thuật gồm các ngành: Quản lý, đăng kiểm các loại phương tiện; đăng ký phương tiện; cấp phát, đăng ký, bằng lái; phân bổ chỉ tiêu ngân sách các ngành kỹ thuật;

đ) Đối với cán bộ khối thanh tra, điều tra, thi hành án, cửa khẩu thuộc các nhóm ngành, ngành: Thanh tra viên; điều tra viên; trinh sát viên; cảnh sát viên (các lĩnh vực: Kinh tế, chống tham nhũng, chống buôn lậu, gian lận thương mại và hàng giả, chống tội phạm ma túy, tội phạm về môi trường và trật tự xã hội); thẩm tra viên thi hành án dân sự thuộc cơ quan quản lý thi hành án; phân bổ chỉ tiêu ngân sách các ngành thanh tra, điều tra, thi hành án; cán bộ cửa khẩu.

2. Đối với nhân viên thuộc nhóm ngành, ngành

a) Thủ kho, nhân viên thống kê: Vật tư, vật chất, quân nhu, quân y, xăng dầu, doanh trại, trang thiết bị từ cấp trung đoàn và tương đương trở lên;

b) Nhân viên: Kế hoạch ngân sách, quản lý ngân sách thường xuyên, quản lý vốn đầu tư, quản lý tài chính doanh nghiệp, quản lý giá, quản lý tài sản công, kế toán tổng hợp, kế toán chi tiết, thủ quỹ, cấp phát thanh toán từ cấp trung đoàn và tương đương trở lên; thanh toán bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế cấp sư đoàn và tương đương trở lên; kế toán, thủ quỹ theo dõi vốn, ngân sách tại các doanh nghiệp có sử dụng vốn nhà nước;

c) Nhân viên chuyên môn nghiệp vụ các trạm cửa khẩu trên đất liền và cửa khẩu cảng. Quản giáo tại các trại giam, trại tạm giam.

Điều 9. Thời hạn định kỳ chuyển đổi

Thời hạn định kỳ chuyển đổi vị trí công tác là 05 năm (đủ 60 tháng) liên tục đối với cán bộ, nhân viên đơn vị Quân đội thuộc danh mục các nhóm ngành, ngành quy định tại Điều 8 của Thông tư này.

Điều 10. Phương pháp, hình thức, thẩm quyền thực hiện việc định kỳ chuyển đổi vị trí công tác

1. Hình thức, phương pháp định kỳ chuyển đổi vị trí công tác

a) Định kỳ chuyển đổi vị trí công tác bằng quyết định của cấp có thẩm quyền điều động (hoặc bổ nhiệm) từ cơ quan, đơn vị này sang cơ quan, đơn vị khác có cùng nhóm ngành, ngành chuyên môn nghiệp vụ;

b) Định kỳ chuyển đổi vị trí công tác bằng quyết định (hoặc kế hoạch) của cấp có thẩm quyền phân công, giao nhiệm vụ từ bộ phận này sang bộ phận khác trong cùng cơ quan, đơn vị hoặc phân công nhiệm vụ theo dõi hướng địa bàn, đơn vị này sang theo dõi hướng địa bàn đơn vị khác hoặc phân công thực hiện nhiệm vụ khác trong cùng nhóm ngành, ngành chuyên môn nghiệp vụ;

c) Việc chuyển đổi vị trí công tác được thực hiện đối với cán bộ, nhân viên công tác thuộc nhóm ngành, ngành chuyên môn được quy định tại Điều 8 Thông tư này.

2. Thẩm quyền chuyển đổi vị trí công tác

a) Đối với cán bộ: Thẩm quyền chuyển đổi vị trí công tác được thực hiện theo Quy chế công tác cán bộ trong Quân đội nhân dân Việt Nam ban hành theo Quyết định của Quân ủy Trung ương;

b) Đối với nhân viên: Thẩm quyền chuyển đổi vị trí công tác được thực hiện theo quy định tại Điều lệ Công tác quân lực ban hành kèm theo Quyết định của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng; quy chế lãnh đạo công tác quân lực của Đảng ủy các cấp.

Điều 11. Những trường hợp chưa hoặc không thực hiện định kỳ chuyển đổi vị trí công tác

1. Chưa thực hiện việc định kỳ chuyển đổi vị trí công tác:

a) Cán bộ, nhân viên đang trong thời gian bị xem xét kỷ luật;

b) Cán bộ, nhân viên đang bị kiểm tra, thanh tra, xác minh chưa có kết luận; đang bị điều tra, truy tố, xét xử;

c) Cán bộ, nhân viên đang điều trị bệnh hiểm nghèo được cơ quan y tế có thẩm quyền xác nhận; đang đi học tập trung 12 tháng trở lên; đang đi biệt phái;

d) Cán bộ, nhân viên nữ đang trong thời kỳ mang thai hoặc đang nuôi con nhỏ dưới 36 tháng tuổi. Trường hợp cán bộ, nhân viên nam phải nuôi con nhỏ dưới 36 tháng tuổi (do vợ mất hoặc trường hợp khách quan khác) thì cũng được áp dụng như cán bộ, nhân viên nữ quy định tại khoản này;

2. Không thực hiện việc định kỳ chuyển đổi vị trí công tác đối với cán bộ, nhân viên có thời hạn công tác còn lại dưới 18 tháng cho đến khi đủ tuổi nghỉ hưu theo quy định.

Điều 12. Chuyển đổi vị trí công tác trong trường hợp đặc biệt

Các đơn vị chỉ có một chức danh thuộc định kỳ chuyển đổi vị trí công tác, mà khi đó yêu cầu về chuyên môn nghiệp vụ khác với chức danh của đơn vị thì báo cáo cấp trên trực tiếp quyết định. Đơn vị cấp trên trực tiếp tổng hợp lập kế hoạch chuyển đổi chung.

Điều 13. Thực hiện chuyển đổi vị trí công tác

1. Tháng 10 hằng năm, từ cấp sư đoàn và tương đương trở lên, căn cứ vào danh mục vị trí công tác quy định tại Điều 8 của Thông tư này cơ quan làm công tác nhân sự (cán bộ, quân lực) tham mưu cho cấp ủy, chỉ huy đơn vị xây dựng kế hoạch, rà soát và bổ sung để xác định từng chức danh cán bộ, nhân viên trong đơn vị thuộc diện định kỳ chuyển đổi năm tiếp theo để báo cáo cấp ủy có thẩm quyền xem xét phê duyệt.

2. Kế hoạch chuyển đổi vị trí công tác phải nêu rõ mục đích, yêu cầu, trường hợp cụ thể phải chuyển đổi vị trí công tác, thời gian thực hiện chuyển đổi, quyền, nghĩa vụ của người phải chuyển đổi vị trí công tác và biện pháp tổ chức thực hiện.

3. Việc chuyển đổi vị trí công tác phải được thông báo công khai cho cán bộ, nhân viên được chuyển đổi biết trước 30 (ba mươi) ngày; hình thức thông báo, gặp gỡ hoặc gửi văn bản.

4. Thời gian bàn giao công việc của cán bộ, nhân viên chuyển đổi vị trí công tác không quá 10 (mười) ngày làm việc tính từ ngày nhận quyết định chuyển đổi vị trí công tác.

Chương IV TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 14. Hiệu lực thi hành

Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày tháng năm 2020.

Thông tư số 30/2010/TT-BQP ngày 24/3/2010 của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng quy định danh mục các nhóm ngành, ngành công tác và thời kỳ chuyển đổi chức danh đối với cán bộ, nhân viên trong Quân đội nhân dân Việt Nam hết hiệu lực kể từ ngày Thông tư này có hiệu lực.

Điều 15. Điều khoản chuyển tiếp

Đối với các trường hợp thuộc diện định kỳ chuyển đổi vị trí công tác được quy định tại Điều 8 của Thông tư này đang được tính thời gian để chuyển đổi vị trí công tác theo quy định tại Thông tư số 30/2010/TT-BQP ngày 24/3/2010 của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng, từ trước ngày Thông tư này có hiệu lực. Đơn vị có trách nhiệm tiếp tục theo dõi, tính thời gian giữ vị trí công tác để rà soát, định kỳ chuyển đổi vị trí công tác theo quy định tại Điều 9 Thông tư này.

Điều 16. Xử lý vi phạm

Trường hợp vi phạm các quy định của Thông tư này và các quy định khác của pháp luật có liên quan đến việc quy định lĩnh vực, thời gian mà người có chức vụ, quyền hạn trong Quân đội không được thành lập, giữ chức danh, chức

vụ quản lý, điều hành doanh nghiệp tư nhân, công ty trách nhiệm hữu hạn, công ty cổ phần, công ty hợp danh, hợp tác xã thuộc lĩnh vực mà trước đây mình có trách nhiệm quản lý sau khi thôi giữ chức vụ và chuyển đổi vị trí công tác, thì tùy theo tính chất và mức độ của hành vi vi phạm bị xử lý theo Điều lệnh quản lý Bộ đội, quy định của pháp luật Nhà nước.

Điều 17. Trách nhiệm thi hành

1. Cấp ủy, chỉ huy các đơn vị thuộc Bộ Quốc phòng có trách nhiệm triển khai tổ chức thực hiện các quy định của Thông tư này. Đồng thời quán triệt và làm tốt công tác tuyên truyền, giáo dục cho cán bộ, nhân viên kết hợp chặt chẽ, thống nhất giữa công tác tư tưởng, tổ chức và chính sách. Chỉ đạo kiểm tra việc thực hiện các quy định và kế hoạch định kỳ chuyển đổi vị trí công tác đối với cán bộ, nhân viên thuộc quyền quản lý trong đơn vị, bảo đảm công khai, minh bạch.

2. Hằng quý, 6 tháng, 9 tháng, năm các đơn vị báo cáo kết quả thực hiện việc chuyển đổi vị trí công tác của cán bộ, nhân viên trong báo cáo công tác thanh tra, tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo và phòng, chống tham nhũng gửi về Thanh tra Bộ Quốc phòng; đồng thời gửi báo cáo về Tổng cục Chính trị và Bộ Tổng Tham mưu để tổng hợp báo cáo Bộ trưởng Bộ Quốc phòng.

3. Thanh tra Bộ Quốc phòng chủ trì phối hợp với các cơ quan liên quan theo dõi, kiểm tra, đôn đốc, hướng dẫn các đơn vị trong toàn quân triển khai thực hiện Thông tư này.

4. Trong quá trình thực hiện, nếu có vướng mắc hoặc có vấn đề mới phát sinh, các đơn vị kịp thời báo cáo về Bộ Quốc phòng (qua Thanh tra Bộ Quốc phòng) để được hướng dẫn hoặc sửa đổi, bổ sung./.

BỘ TRƯỞNG

Nơi nhận:

- Thủ tướng Chính phủ (đề b/c);
- Đ/c Bộ trưởng BQP;
- Thanh tra Chính phủ (đề t/hợp);
- Các đồng chí Thứ trưởng và Chủ nhiệm TCCT;
- Các cơ quan, đơn vị trực thuộc BQP⁽⁶¹⁾;
- Ủy ban Kiểm tra QUTW, Thanh tra BQP;
- Cục Cán bộ/TCCT, Cục Quân lực/BTTM;
- Văn phòng BQP (NCTH);
- Vụ Pháp chế BQP;
- Lưu: VT, PC.